TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUỶ NGUYÊN** **THÀNH PHỐ P**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2024/HS-ST
Ngày 31-01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, THÀNH PHỐ P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Công Hạ

Ông Bùi Đức Khoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh- Thư ký Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố P tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố P xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 179/2023/TLST-HS ngày 19 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2024/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

Đặng Văn H, sinh năm 1985; nơi sinh: Thành phố P. Nơi cư trú: Thôn 5, xã T, huyện T, P; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đặng Văn H (đã chết) và bà Trịnh Thị T; có vợ là Vũ Thị Th, sinh năm 1984 và 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 23/2012/HSST ngày 03/5/2012 của TAND quận K xử phạt Đặng Văn H 24 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, bị cáo đã thi hành xong khoản án phí hình sự sơ thẩm ngày 19/7/2012, tháng 9 năm 2013 bị cáo chấp hành xong án phạt tù (đã xóa án tích) và Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 151/2016/QĐ-TA ngày 26/10/2016 đối với Đặng Văn H, ngày 08/4/2019, H chấp hành xong được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt tạm giam từ ngày 22/9/2023; có mặt.

- Bị hại:

Ông Phạm Văn C, sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn 4, xã N, huyện T, thành phố P; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn 4, xã N, huyện T, thành phố P; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 13/5/2023, Công an xã N nhận được đơn trình báo của ông Phạm Văn C, sinh năm 1965, trú tại: thôn N (thôn 4), xã N, huyện T về việc: đêm ngày 12/5/2023, rạng sáng ngày 13/5/2023, ông C để chiếc xe kéo tự chế ở ngoài rìa đường trước cửa nhà bị kẻ gian lén lút chiếm đoạt. Cùng ngày, Công an xã N nhận được đơn trình báo của anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984, trú tại: thôn N (thôn 4), xã N, huyện T về việc: khoảng 04 giờ ngày 13/5/2023, kẻ gian đã lén lút chiếm đoạt của anh T 01 chiếc máy trộn bê tông tự chế, màu xanh đã qua sử dụng để ở ngõ, sát tường bao nhà anh T.

Sau khi chiếm đoạt được các tài sản trên, H đã bán cho bà Mạc Thị L, sinh năm 1966, trú tại: thôn 5, xã T, huyện T, P. H tự nguyện giao nộp 01 chiếc máy cắt màu xanh, đã qua sử dụng.

Ngày 14/5/2023, bà Mạc Thị L tự nguyện giao nộp các tài sản gồm: 01 chiếc xe kéo tự chế bằng kim loại còn nguyên vẹn và các bộ phận cắt rời của máy trộn bê tông tự chế gồm: 01 bồn trộn bê tông, ống sắt giá đỡ bồn trộn và 02 bánh xe (bút lục số 32).

Tại Cơ quan điều tra, Đặng Văn H khai nhận: Do không có tiền ăn tiêu, khoảng 03 giờ ngày 13/5/2023, H một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, BKS 15G1-229.31 (xe của chị Vũ Thị Thơ, vợ H) đi đến xã N, huyện T, P xem nhà ai để tài sản sơ hở thì chiếm đoạt bán lấy tiền ăn tiêu. Khi H đi đến đoạn đường liên thôn thuộc thôn 4, xã N, huyện T thì phát hiện ở trong ngõ, cách mặt đường liên thôn khoảng 5m có 01 chiếc máy trộn bê tông tự chế không có người trông coi, để sát cạnh tường bao nhà dân đang xây dựng (sau này biết là nhà anh T) và ngoài đường liên thôn cách xe trộn bê tông khoảng 100m có 01 chiếc xe kéo tự chế để ven đường phía ruộng (sau này biết của ông Phạm Văn C). Quan sát thấy không có người trông coi nên H đi tới, tay phải điều khiển xe mô tô BKS:15G1-229.31, tay trái kéo chiếc xe kéo tự chế về nhà ở thôn 5, xã T, huyện T để cất giấu. Đến khoảng 03 giờ 30 phút cùng ngày, H vào nhà Bùi Quảng Ba, sinh năm 1982, ở cùng thôn (cách nhà H khoảng 300m) rủ Ba đi trộm cắp chiếc máy trộn bê tông tự chế của anh T. Ba đồng ý và điều khiển xe mô tô BKS 15G1-229.31 chở H đến khu vực thôn 4, xã N. H và Ba cùng đi vào ngõ, quan sát không có ai trông coi nên H đã

dùng tay kéo máy trộn bê tông ra đầu ngõ rồi ngồi lên sau xe mô tô do Ba điều khiển, kéo máy trộn bê tông trên về nhà H cất giấu. Sau đó Ba đi về nhà. H dùng máy cắt cắt rời các bộ phận của máy trộn bê tông. Đến khoảng 8 giờ cùng ngày, H gọi bà Mạc Thị L ở cùng thôn là người thu mua phế liệu vào nhà H để bán chiếc xe kéo tự chế và các phần đã cắt rời của máy trộn bê tông tự chế trộm cắp được. H nói với bà L các tài sản trên là của nhà H, không còn sử dụng. Bà L tin và mua các tài sản với giá 1.300.000 đồng. Số tiền này, H chia cho Ba 500.000 đồng, còn tiêu sài cá nhân hết.

Bị hại là anh Nguyễn Văn T và ông Phạm Văn C khai nhận như trên. Ông C đã nhận lại chiếc xe kéo tự chế và không có yêu cầu đề nghị gì khác. Anh T đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt song các bộ phận của máy trộn bê tông bị cắt ra, không còn nguyên vẹn như trước nên anh T đề nghị H bồi thường thêm số tiền 4.500.000 đồng.

Bà Mạc Thị L khai: Bà L làm nghề thu mua sắt vụn. Ngày 13/5/2023, H có gọi bà L đến để bán 01 chiếc xe kéo tự chế bằng kim loại còn nguyên vẹn và các bộ phận cắt rời của máy trộn bê tông tự chế gồm: 01 bồn trộn bê tông, ống sắt giá đỡ bồn trộn và 02 bánh xe, bà L không biết đó là các tài sản do H chiếm đoạt của người khác mà có. Sau khi biết các tài sản trên do H phạm tội mà có, bà đã tự nguyện giao nộp lại cho Cơ quan Công an để trả cho bị hại, bà L không yêu cầu H phải bồi thường gì.

Tại phiên tòa bị cáo Đặng Văn H thừa nhận hành vi một mình lén lút chiếm đoạt 01 chiếc xe kéo tự chế làm bằng kim loại và 01 chiếc máy trộn bê tông tự chế, làm bằng kim loại là tài sản hợp pháp của các bị hại.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 43/KL-HĐĐGTS ngày 12/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: 01 chiếc xe kéo tự chế làm bằng kim loại trị giá 1.700.000 đồng; 01 chiếc máy trộn bê tông tự chế, làm bằng kim loại trị giá 5.500.000 đồng.

Vật chứng của vụ án: 01 máy cắt màu xanh đã qua sử dụng do H tự nguyện giao nộp chuyển Chi cục Thi hành án dân sự huyện T quản lý.

Đối với chiếc xe mô tô mang BKS 15G1-229.31 mà bị cáo sử dụng, cơ quan điều tra xác định là của chị Vũ Thị Thơ (Vợ của bị cáo H), chiếc xe này là của chị Thơ sử dụng làm phương tiện đi lại nên cơ quan điều tra không xử lý.

Về dân sự: Ông Phạm Văn C và bà Mạc Thị L không yêu cầu bị cáo bồi thường, bồi hoàn gì. Bị hại là anh Nguyễn Văn T đề nghị H bồi thường thêm số tiền 4.500.000 đồng do tài sản đã bị hư hỏng.

Bà Kiểm sát viên và bị cáo đồng ý với nội dung kết luận định giá tài sản, không có ý kiến hay khiếu nại gì.

Bản Cáo trạng số 08/2024/CT-VKSTN ngày 19/12/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố Đặng Văn H về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự (Viết tắt là BLHS). Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; "người phạm tội thành khẩn khai báo" và "phạm tội gây thiệt hại không lớn" quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Đặng Văn H với mức từ 18 đến 24 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam là ngày 22/9/2023; không áp dụng hình phạt bổ sung là tiền đối với bị cáo; Về dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 589, Điều 585 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Đặng Văn H phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn T số tiền 4.500.000 đồng và buộc bị cáo chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử nghỉ nghị án, bị cáo trình bày nhận thức rõ hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm đã thực hiện và mong muốn được sự khoan hồng của pháp luật, được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T và Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân huyện T và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về những chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội: Bị cáo đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản, có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản gây thiệt hại tổng trị giá **7.200.000** đồng của bị hại đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm và hình phạt đối với bị cáo Đặng Văn H được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Các chứng cứ xác định bị cáo không có tội bị loại trừ.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự xã hội.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về nhân thân: Đến thời điểm phạm tội bị cáo còn từng bị Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố P xét xử theo Bản án số 23/2012/HSST ngày 03/5/2012 xử phạt Đặng Văn H 24 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, bị cáo đã thi hành xong khoản án phí hình sự sơ thẩm ngày 19/7/2012, tháng 9 năm 2013 bị cáo chấp hành xong án phạt tù và Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 151/2016/QĐ-XLHC ngày 26/10/2016 đối với Đặng Văn H, ngày 08/4/2019, H chấp hành xong được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính, mặc dù bị cáo đã được xóa án tích nhưng bị nhận định là có nhân thân xấu.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo " thành khẩn khai báo" và "phạm tội gây thiệt hại không lớn" quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt: Với phân tích trên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, bị cáo khi phạm tội có nhân thân xấu nên cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn trên mức khởi điểm của khung hình phạt tương xứng với mức đề nghị của Kiểm sát viên và buộc bị cáo chấp hành tại trại giam trong một thời hạn nhất định nhằm trừng trị, giáo dục bị cáo ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa bị cáo phạm tội mới, giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

Tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định người phạm tội còn có thể bị phạt tiền nhưng bị cáo không có tài sản riêng và hiện không có thu nhập ổn định, không có khả năng thi hành nên không phạt tiền bị cáo.

[5] Về dân sự: Ông Phạm Văn C và bà Mạc Thị L không có yêu cầu đề nghị gì. Anh Nguyễn Văn T đề nghị H bồi thường thêm số tiền 4.500.000 đồng, bị cáo thừa nhận trách nhiệm bồi thường cho bị hại nên bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại với mức 4.500.000 đồng cho bị hại Nguyễn Văn T.

[6] Về xử lý vật chứng: 01 máy cắt màu xanh đã qua sử dụng do H sử dụng để thực hiện tội phạm nên cần tịch thu, phát mãi sung Ngân sách Nhà nước là phù hợp với Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[7] Trong vụ án này bà Mạc Thị L có hành vi mua lại các tài sản do H trộm cắp. Tuy nhiên bà L không biết nguồn gốc tài sản là do H phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Quá trình điều tra, Đặng Văn H khai rủ Bùi Quảng Ba cùng đi trộm cắp tài sản. Tài liệu điều tra đến thời điểm hiện tại ngoài lời khai của H không còn tài liệu chứng cứ nào khác, hiện Ba vắng vặt tại địa phương, Cơ quan điều tra đã quyết định tách hành vi của Ba thành 01 tin báo riêng để tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau.

[8] Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Đặng Văn H phạm tội"Trộm cắp tài sản";

Xử phạt: Bị cáo Đặng Văn H **15 (Mười lăm)** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam là ngày 22/9/2023.

Về dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Đặng Văn H phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn T số tiền 4.500.000 đồng.

Kể từ ngày bản án án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án nếu bị cáo chưa thi hành xong khoản tiền phải bồi thường thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất 10%/ năm dưới sự điều chỉnh của Ủy ban thường vụ Quốc Hội tại thời điểm trả tiền bồi thường tương ứng thời gian và số tiền chưa thi hành án.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự: Tịch thu, phát mại sung Ngân sách Nhà nước 01 máy cắt màu xanh đã qua sử dụng (Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 19/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố P).

Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Bị cáo Đặng Văn H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo; người tham gia tố tụng khác;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- VKSND thành phố P;
- Cơ quan điều tra công an huyện Thuỷ Nguyên;
- Cơ quan THAHSCA huyện Thuỷ Nguyên;
- Trại giam công an thành phố P;
- Trại tạm giam công an huyện Thuỷ Nguyên;
- TAND thành phố P;
- Công an thành phố P;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- Sở Tư pháp thành phố P;
- UBND xã T
, huyện T;
- Lưu: HCTP; VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Vân